

Bản án số: 88/2017/HSST

Ngày 28/12/2017

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T L1 - TỈNH H N1

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Đỗ Quốc Huy.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thế Quý;
2. Ông Quách Xuân Luyện.

- Thư ký phiên toà: Bà Hoàng Thị Vân Dung - Thư ký Tòa án nhân dân huyện T L1 - tỉnh H N1.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T L1 tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hải Yến - Kiểm sát viên.

Ngày 28/12/2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T L1 xét xử công khai sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 80/2017/HSST ngày 29 tháng 11 năm 2017 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 87/2017/HSST-QĐ ngày 14/12/2017, đối với bị cáo:

Nguyễn Văn H1, sinh năm 1993; nơi cư trú và đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn T C1, xã Y T1, huyện Y Y1, tỉnh N Đ1; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 10/12; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Đạo thiên chúa; con ông Nguyễn Văn T1 và bà Nguyễn Thị N1; vợ: Nguyễn Thị Q1; con: Có 01 con, sinh năm 2015; tiền án, tiền sự: Không; có mặt.

*** Người bị hại:** Bà Lê Thị H2, sinh năm 1962 (đã chết);

Người đại diện hợp pháp của người bị hại:

1. Ông Lê Văn D1, sinh năm 1959;
2. Chị Lê Thị N2, sinh năm 1986;
3. Anh Lê Xuân Q2, sinh năm 1989;
4. Anh Lê Văn G1, sinh năm 1991;

Cùng ĐKKHKT: Thôn K1, xã T N1, huyện T L1, tỉnh H N1.

Những người đại diện theo pháp luật ủy quyền cho: Ông Lê Văn D1, sinh năm 1959; nơi ĐKHKT: Thôn K1, xã T N1, huyện T L1, tỉnh H N1; có mặt.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Ông Nguyễn Văn T1, sinh năm 1968; nơi ĐKHKT: Thôn T C1, xã Y T1, huyện Y Y1, tỉnh N Đ1; có mặt.

*** Người làm chứng:** Ông Lê Đức H3, sinh năm 1955; nơi ĐKHKT: Thôn K1, xã T N1, huyện T L1, tỉnh H N1; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 06 giờ ngày 05/8/2017, Nguyễn Văn H1 có giấy phép lái xe hạng A1, điều khiển xe mô tô BKS 18D1- 268.58 theo đường 495B chạy từ QL1 đi thôn T S1, xã T N1, huyện T L1. Khi đi đến cầu B L1 cũ, H1 quan sát thấy phía trước cùng chiều khoảng 30m có xe đạp do bà Lê Thị H2 điều khiển đi ở làn đường bên phải, cách mép đường bên phải khoảng 01m. H1 bật tín hiệu đèn xi nhan bên trái xe mô tô và điều khiển xe đi thẳng ở làn đường bên phải theo chiều đi với tốc độ khoảng 40-50km/h để lên cầu. Khi xe mô tô do H1 điều khiển cách xe đạp do bà H2 điều khiển khoảng 10m, H1 bấm còi rồi điều khiển xe đi chéo sang trái cách mép đường bên phải khoảng 02-03m để tránh bà H2. H1 tiếp tục điều khiển xe đi lên trên cầu B L1, cách xe đạp của bà H2 khoảng 1-2m bà H2 điều khiển xe đi chéo về phía bên trái theo chiều đi. Thấy vậy H1 điều khiển xe chéo về phía bên trái đồng thời bấm còi và rà phanh xe để tránh bà H2, nhưng do khoảng cách gần nên xe mô tô do H1 điều khiển đã xô vào xe đạp của bà H2 rồi lao vào lan can bên trái của cầu làm hai xe bị đổ, H1 và bà H2 ngã ra đường. Hậu quả: Nguyễn Văn H1, bà Lê Thị H2 đều bị thương được đưa đi cấp cứu, đến khoảng 10h30 cùng ngày bà Lê Thị H2 tử vong. Vật chứng, tài sản thu giữ:

- 01 (một) xe mô tô BKS 18D1-268.58 đã qua sử dụng, bị hư hỏng và giấy tờ xe; 01 (một) giấy phép lái xe mô tô hạng A1 số 360149006793 do Sở giao thông vận tải tỉnh N Đ1 cấp ngày 07/8/2014

- 01 (một) xe đạp thô sơ đã qua sử dụng, bị hư hỏng;

*** Kết quả khám nghiệm hiện trường:**

Hiện trường vụ tai nạn giao thông xảy ra tại Km 1+200 đường 495B (trên cầu B L1 cũ), địa chỉ xã T N1, huyện T L1, tỉnh H N1. Mặt cầu rộng 7,90m, được trải bê tông nhựa tương đối bằng phẳng và thẳng. Mặt cầu được chia thành hai phần đường, mỗi phần đường rộng 3,90m và được phân cách với nhau bằng vạch sơn trắng đứt quãng rộng 0,10m.

Tại hiện trường để lại các dấu vết, vật chứng sau: Chọn hướng QL1 đi thôn T S1, xã T N1 làm hướng gốc, mép cầu bên trái của cầu B L1 cũ theo hướng gốc làm mép cầu chuẩn.

1. Xe mô tô BK 181-268.58 sau tai nạn giao thông để nghiêng bên phải trên mặt cầu. Đầu xe quay về phía mép cầu bên phải theo hướng gốc, đuôi xe quay về phía mép cầu chuẩn. Tâm trục bánh trước cách mép cầu là 4,10m. Tâm trục bánh sau cách mép cầu là 2,90m và cách điểm mốc cố định theo đường vuông góc về phía QL1A là 22,20m.

2. Vết cày sau tai nạn xảy ra để lại trên mặt cầu dài 1,40m, rộng 1,5cm. Vết thẳng, có hướng chệch về phía mép cầu bên phải theo hướng gốc. Điểm gần nhất của đầu vết cách mép cầu là 2,50m, điểm cuối vết ngay tại đầu giá đỡ chân trước bên phải của xe mô tô BK 18 D1- 268.58 tiếp xúc với mặt cầu.

3. Đám vật chất màu nâu đỏ (nghĩ là máu) sau tai nạn để lại trên mặt cầu có kích thước (0,3 x 0,25)m. Tâm đám vật chất cách mép cầu là 0,65m và cách điểm gần nhất của đầu vết cày số 2 theo đường thẳng về phía QL1A là 2,85m.

4. Vết trượt sau tai nạn để lại trên bề mặt bên phải của thành cầu bên trái cầu B L1 cũ theo hướng gốc dài 0,85m, rộng 0,06m. Vết thẳng có hướng theo hướng gốc. Điểm thấp nhất của đầu vết cách mặt cầu theo đường vuông góc là 0,35m. Điểm thấp nhất cuối vết cách mặt cầu theo đường vuông góc là 0,35m và cách tâm đám vật chất màu nâu đỏ số (3) theo đường thẳng về QL1A là 0,50m.

5. Vết trượt để lại trên bề mặt bên phải của thành cầu bên trái cầu B L1 cũ theo hướng gốc. Vết dài 2,5m, rộng 0,05m. Vết thẳng, có hướng theo hướng gốc. Điểm thấp nhất của đầu vết cách mặt cầu theo đường vuông góc là 0,20m. Điểm thấp nhất cuối vết cách mặt cầu theo đường vuông góc là 0,15m và cách điểm cuối của vết trượt số (4) theo đường vuông góc về phía QL1A là 0,50m.

6. Vết cày trên bề mặt bên phải của thành cầu bên trái cầu B L1, vết dài 0,60m, rộng 0,08m. Vết thẳng, có hướng theo hướng gốc.

7. Vết bằng nhựa dạng pê đan của xe thô sơ sau tai nạn giao thông để lại trên mặt cầu có kích thước 12 x 6cm. Điểm gần nhất của vật này cách mép cầu là 2,70m và cách điểm đầu vết cày số (6) theo đường vuông góc về phía thôn T S1 là 0,15 m.

8. Xe đạp đổ nghiêng bên phải trên mặt cầu. Đầu xe quay về phía mép cầu bên phải theo hướng gốc. Đuôi xe quay về mép đường chuẩn, tâm trục bánh trước cách mép cầu là 3,90m và cách tâm trục bánh trước của xe mô tô BKS 18 D1- 268.58 theo đường thẳng về phía QL 1A là 0,75m. Tâm trục bánh sau cách mép cầu là 2,80m.

9. Vết trượt ở bề mặt phía trên lan can kim loại thành cầu bên trái cầu B L1 cũ theo hướng góc dài 1m40, rộng 0,03m. Điểm thấp nhất của đầu vết cách mặt cầu theo đường vuông góc là 0,96m, điểm thấp nhất cuối vết cách mặt cầu theo đường vuông góc là 0,96m và thẳng với điểm cuối vết trượt số (5).

10. Mặt cầu bị nứt vỡ bê tông nhựa kích thước (0,65x 0,57) m. Tâm điểm nứt vỡ cách mép cầu là 1,80 m và cách điểm đầu vết trượt số (5) theo đường thẳng về phía QL1A là 2,50 m.

11. Vật bằng kim loại dạng đầu lõi tay nắm ghi đông của xe mô tô để lại trên mặt cầu có kích thước (0,17x 0,03) m, ngay tại mép cầu và thẳng cuối vết trượt số (5).

12. Vị trí nạn nhân Lê Thị H2 nằm ngã trên mặt cầu trong tư thế nằm ngửa. Đầu nạn nhân quay về phía mép cầu chuẩn, chân nạn nhân quay về phía mép cầu bên phải theo hướng góc. Điểm gần nhất của đầu nạn nhân cách mép cầu là 2,10m và thẳng với điểm đầu vết trượt số (9). Điểm gần nhất của chân trái nạn nhân cách mép cầu là 3,60m.

* Kết quả khám nghiệm phương tiện:

Khám xe mô tô BKS 18 D1-268.58

- Mặt ngoài má lốp bên phải bánh lốp trước có vết trượt chùi bụi trên diện (26 x 3)cm. Điểm gần nhất cách chân van theo đường thẳng ngược chiều kim đồng hồ 18cm. Vết có hướng ngược chiều quay của bánh khi xe tiến.

- Mặt ngoài phía trước cangk xe trước bên phải có vết trượt chùi bụi trên diện (25 x 3)cm. Điểm gần nhất ngay tại đầu ốc bắt định vị trục trước bên phải, điểm thấp nhất cách mặt đất 26cm.

- Mặt ngoài cánh yếm bên phải có vết trượt chùi bụi trên diện (8 x 2)cm. Điểm gần nhất cách đầu bên phải cánh yếm 7cm. Điểm thấp nhất cách mặt đất 90cm, bề mặt vết bám dính lớp màng đen dạng cao su. Cách vết này 32 cm về phía dưới. Bề mặt ngoài cánh yếm có đám mảng trượt chùi bụi trên diện (10x5)cm về phía dưới, bề mặt ngoài cánh yếm có đám mảng trượt chùi bụi đất trên diện (10 x 5)cm. Điểm gần nhất cách đuôi cánh yếm 23cm, điểm thấp nhất cách mặt đất 40cm. Vết có hướng từ trước về sau.

- Đầu bọc cao su giá đỡ chân bên phải bị choét rách để lộ đầu kim loại bị mài sạt sáng trên diện (1 x 0,5cm). Bề mặt vết bám dính hỗn hợp vật chất dạng bột đất đá.

- Lõi tay nắm ghi đông bên trái bị bật rời khỏi xe.

- Gương chiếu hậu bên trái lỏng chân xoay tự do.

- Mặt ngoài má lốp trên trái và $\frac{1}{2}$ mặt vân hoa lốp bên trái có đám mảng trượt chùi bụi cao su trên diện (60 x 6)cm. Vết có hướng ngược chiều quay của bánh xe khi xe tiến. Điểm cuối vết cách mặt chân van theo đường thẳng thuận chiều kim đồng hồ là 34cm.

- Cần chuyển số trước bị đẩy cong từ trước về sau. Mặt ngoài cạnh bàn đạp của cần chuyển số bị mài sạt mòn sáng kim loại trên diện (1 x 0,7)cm, bề mặt vết bám dính hỗn hợp vật chất dạng bột vữa bê tông.

- Giá đỡ chân trước bên trái bị đẩy cong hướng từ trước về sau. Đầu bọc cao su giá đỡ chân bị mài sạt choét rách để lộ đầu lõi kim loại bị mài sạt sáng trên diện (1 x 0,7cm). Bề mặt vết bám dính hỗn hợp vật chất dạng bột vữa bê tông. Điểm thấp nhất cách mặt đất 30cm.

Khám phương tiện xe đạp thô sơ của bà Lê Thị H2:

- Khung xe bên trái (thanh kim loại nối với trục Pê-đan bên trái và trục bánh sau bên trái), mặt ngoài có vết trượt chùi bụi trên diện (20 x 1)cm. Điểm gần nhất cách đầu ốc bắt với trục bánh sau bên trái 4cm. Điểm thấp nhất cách mặt đất 34cm. Vết có hướng từ sau về trước, từ trái sang phải.

- Yên xe bị đẩy từ sau về trước, từ trái sang phải xoay lệch so với ban đầu. Bề mặt ngoài phía sau bên trái có đám mảng trượt chùi bụi trên diện (10 x 4)cm. Điểm gần nhất cách đầu mỏm yên theo đường thẳng 20cm. Điểm thấp nhất cách mặt đất 34cm. Vết có hướng từ sau về trước, từ trái sang phải.

- Pê - đan bên trái bị vỡ rời khỏi xe.

- Mặt ngoài bên trái cang xe trước có vết trượt chùi bụi trên diện (17 x 2)cm. Điểm gần nhất cách đầu bên trái trục trước 16cm theo đường thẳng. Bề mặt bám dính vật chất màu nâu đỏ dạng sơn, vết có hướng từ trên xuống.

** Khám nghiệm tử thi Lê Thị H2:*

Tại bản kết luận giám định về tử thi số 96/TT ngày 15/8/2017 của Trung tâm pháp y tỉnh H N1, kết luận: Nguyên nhân trực tiếp dẫn đến tử vong cho nạn nhân Lê Thị H2 là chấn thương sọ não làm vỡ xương hộp sọ gây phù não.

** Về trách nhiệm dân sự:*

Nguyễn Văn H1 và gia đình đã tự nguyện bồi thường cho gia đình nạn nhân Lê Thị H2 với tổng số tiền là 120.000.000đ (Một trăm hai mươi triệu đồng). Các bên cam kết không thắc mắc, khiếu nại gì;

Tại bản cáo trạng số 89/KSĐT ngày 28/11/2017, Viện kiểm sát nhân dân huyện T L1 đã truy tố Nguyễn Văn H1 về tội: “Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ” theo khoản 1 Điều 202 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T L1 giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1 Điều 202; điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 60 của Bộ luật hình sự. Xử phạt Nguyễn Văn H1 từ 09 đến 12 tháng tù, cho hưởng án treo; thời gian thử thách từ 18 đến 24 tháng; miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo; buộc bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định và đề nghị xử lý vật chứng vụ án.

Người đại diện cho người bị hại không có yêu cầu gì về trách nhiệm dân sự và có ý kiến xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác,

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng: Cơ quan tiến hành tố tụng và những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa và quá trình điều tra, Nguyễn Văn H1 đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như bản cáo trạng đã nêu. Lời khai của bị cáo phù hợp với kết quả khám nghiệm hiện trường, khám nghiệm phương tiện, kết luận giám định và các tài liệu khác đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ căn cứ xác định:

Khoảng 06 giờ ngày 05/8/2017, Nguyễn Văn H1 có giấy phép lái xe hạng A1 điều khiển xe mô tô BKS 18D1- 268.58 theo đường 495B chạy từ QL1 đi thôn T S1, xã T N1, huyện T L1. Khi đi đến cầu B L1 cũ, do không làm chủ được tốc độ đến mức an toàn, nên xe mô tô do H1 điều khiển đã xô vào xe đạp do bà H2 điều khiển làm xe đạp đổ, bà H2 ngã ra đường. Hậu quả bà Lê Thị H2 bị thương được đưa đi cấp cứu, đến khoảng 10h30 cùng ngày bà H2 tử vong.

[3] Hành vi của bị cáo đã vi phạm Luật giao thông đường bộ và là nguyên nhân gây ra vụ tai nạn giao thông dẫn đến cái chết của bà Lê Thị H2. Hành vi đó là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến trật tự an toàn giao thông đường bộ, xâm hại đến tính mạng, sức khỏe của người khác. Bản cáo trạng của Viện kiểm

sát nhân dân huyện T L1 truy tố bị cáo về tội “Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ” theo khoản 1 Điều 202 của Bộ luật hình sự là có cơ sở pháp luật.

Trong khi lượng hình phạt, HĐXX cũng xem xét các tình tiết liên quan: Bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, đây là lần đầu phạm tội nên bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng nào. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, tỏ rõ sự ăn năn hối cải. Sau khi gây tai nạn bị cáo đã tích cực và có trách nhiệm bồi thường, khắc phục toàn bộ thiệt hại cho gia đình nạn nhân, đại diện cho người bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, Nguyễn Văn H1 có đơn trình bày gia đình bị cáo có hoàn cảnh rất khó khăn, con nhỏ có xác nhận của chính quyền địa phương. Ngoài ra bị cáo có ông nội là Nguyễn Văn K2 đã có công với cách mạng được Nhà nước tặng thưởng Huân chương kháng chiến. HĐXX xem xét cho bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, p khoản 1 và khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự.

Từ những nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy Nguyễn Văn H1 có nơi cư trú rõ ràng, ổn định và được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ, bị cáo là người lao động luôn chấp hành tốt chính sách pháp luật và quy định của địa phương, không có biểu hiện vi phạm pháp luật mới, có khả năng tự cải tạo nên không cần thiết phải cách ly bị cáo với xã hội mà cho bị cáo được hưởng án treo, chịu sự giám sát, giáo dục của chính quyền địa phương cũng đủ tác dụng giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung. Đây cũng thể hiện chính sách khoan hồng của pháp luật đối với người phạm tội, như quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp và đúng pháp luật.

[3] Về hình phạt bổ sung: Xét thấy không cần thiết áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[4] Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo đã bồi thường toàn bộ thiệt hại cho gia đình người bị hại tổng số tiền 120.000.000đ, đại diện hợp pháp của người bị hại không còn yêu cầu, đề nghị gì, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về xử lý vật chứng: Đối với 01 giấy phép lái xe hạng A1 số 360149006793 mang tên Nguyễn Văn H1, là giấy tờ hợp pháp của bị cáo, nên xem xét trả lại cho bị cáo.

- Đối với xe mô tô BKS 18D1- 268.58 và một xe đạp đã bị hư hỏng: Quá trình điều tra xác định là tài sản hợp pháp của ông Nguyễn Văn T1 (là bố của bị cáo H1); chiếc xe đạp thô sơ do bà H2 điều khiển là tài sản hợp pháp của ông Lê

Văn D1 (là cH2 của bà H2). Cơ quan CSĐT - Công an huyện T L1 đã trả lại các tài sản trên cho ông Nguyễn Văn T1 và ông Lê Văn D1 là phù hợp pháp luật.

[6] Về án phí: Bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn H1 phạm tội: “Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ”.

- Áp dụng khoản 1 Điều 202; điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 60 của Bộ luật hình sự.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn H1 09 (Chín) tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 (Mười tám) tháng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (28/12/2017).

Giao bị cáo Nguyễn Văn H1 cho Ủy ban nhân dân xã Y T1, huyện Y Y1, tỉnh N Đ1 nơi bị cáo cư trú để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật Thi hành án hình sự.

2. Xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 41 của Bộ luật hình sự và Điều 76 của Bộ luật tố tụng hình sự:

- Trả lại cho Nguyễn Văn H1 một giấy phép lái xe hạng A1 số 360149006793 mang tên Nguyễn Văn H1 do sở Giao thông vận tải tỉnh N Đ1 cấp ngày 07/8/2014 (Có trong hồ sơ vụ án).

3. Án phí: Áp dụng Điều 99 của Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội. Buộc bị cáo Nguyễn Văn H1 phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo, người đại diện hợp pháp của người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh H N1;
- VKSND huyện T L1;
- Công an huyện T L1;
- Chi cục THA DS huyện T L1;
- Bị cáo;
- Đại diện hợp pháp của người bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Quốc Huy